

Đổi mới chính sách thuế thu nhập cá nhân, khuyến khích phát triển có mục tiêu và thúc đẩy tăng trưởng bền vững

12/05/2026 13:30

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy các động lực kinh tế mới, chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) vừa đảm bảo vai trò tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách nhà nước, đồng thời thực hiện chức năng điều tiết thu nhập và được thiết kế theo hướng hỗ trợ có chọn lọc các mục tiêu phát triển, phù hợp với yêu cầu kỷ luật tài khóa và nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực. Việc ban hành Luật Thuế TNCN năm 2025 và dự thảo Nghị định hướng dẫn thể hiện bước chuyển quan trọng trong tư duy chính sách: Từ quản lý thu nhập sang hỗ trợ tích lũy, từ điều tiết ngắn hạn sang định hướng dài hạn cho tăng trưởng bền vững. Với hàng loạt thay đổi về miễn, giảm thuế và cơ chế khuyến khích, chính sách mới dự kiến tạo tác động đáng kể đến thu nhập khả dụng, hành vi tiêu dùng và quyết định của doanh nghiệp, qua đó gián tiếp tác động đến các xu hướng phân bổ nguồn lực và cơ cấu ngành của nền kinh tế.

1. Yêu cầu đối với chính sách thuế thu nhập cá nhân trong bối cảnh phát triển mới

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy các động lực phát triển mới, hệ thống chính sách thuế TNCN cần được hoàn thiện theo hướng vừa bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, vừa đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội dài hạn. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về cải cách chính sách thuế, đặc biệt là các nội dung đã được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 và Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Bên cạnh đó, chính sách thuế TNCN ngày càng cần gắn chặt hơn với các mục tiêu phát triển ưu tiên của nền kinh tế, nhất là trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển khu vực kinh tế tư nhân, cũng như nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Các yêu cầu này đã được đặt ra rõ ràng trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột

phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân..., đòi hỏi chính sách thuế không chỉ thực hiện chức năng điều tiết thu nhập mà còn phải đóng vai trò hỗ trợ, khuyến khích và định hướng phát triển các lĩnh vực then chốt.

Đồng thời, việc triển khai Luật Thuế TNCN (sửa đổi) cũng đặt ra yêu cầu hoàn thiện khung pháp lý đồng bộ, rõ ràng và khả thi, đặc biệt đối với các nội dung được giao, Chính phủ quy định chi tiết như xác định thu nhập chịu thuế, các khoản miễn, giảm thuế, căn cứ tính thuế và nguyên tắc áp dụng đối với từng loại thu nhập. Trong bối cảnh đó, chính sách thuế TNCN cần được thiết kế theo hướng minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, đồng thời khắc phục những vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành thời gian qua.

Trên cơ sở đó, yêu cầu đặt ra đối với chính sách thuế TNCN trong giai đoạn hiện nay không chỉ là hoàn thiện về mặt kỹ thuật pháp lý mà còn là điều chỉnh theo hướng hiện đại, tiệm cận thông lệ quốc tế, bảo đảm tính nhất quán trong hệ thống pháp luật và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế, qua đó hỗ trợ mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế.

2. Đổi mới cách tiếp cận trong chính sách thuế thu nhập cá nhân tại dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 thể hiện một bước chuyển quan trọng trong cách tiếp cận chính sách thuế TNCN, theo hướng hiện đại, linh hoạt và lấy người nộp thuế làm trung tâm, đồng thời bám sát các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Cụ thể:

Dự thảo Nghị định thể hiện bước chuyển từ cơ chế giảm trừ mang tính định mức sang cơ chế giảm trừ gắn với chi phí thực tế, qua đó tiệm cận nguyên tắc đánh thuế theo thu nhập ròng.

Điểm đáng chú ý của việc thay đổi chính sách thuế TNCN lần này là cách xác định nghĩa vụ thuế đã có sự điều chỉnh theo hướng sát hơn với khả năng nộp thuế thực tế. Nếu trước đây cơ sở tính thuế chủ yếu dựa trên thu nhập phát sinh, thì nay chính sách đã bắt đầu tính đến một số khoản chi có tính chất thiết yếu của người nộp thuế và người phụ thuộc, trước hết là chi cho y tế, giáo dục - đào tạo. Cách tiếp cận này có ý nghĩa lớn, vì làm rõ hơn nguyên tắc điều tiết theo khả năng đóng góp. Người có cùng mức thu nhập nhưng phải dành tỷ trọng lớn hơn cho khám chữa bệnh hoặc cho

học tập có phần thu nhập khả dụng thấp hơn. Khi chính sách thuế tính đến các khoản chi đó, cơ sở thuế được xác định hợp lý hơn, sát với điều kiện thực tế hơn, đồng thời phản ánh rõ hơn chức năng hỗ trợ phúc lợi của thuế TNCN.

Theo hướng điều chỉnh này, chính sách thuế TNCN cho phép giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương tiền công các khoản chi cho y tế (lên tới 24 triệu đồng), giáo dục - đào tạo (lên tới 23 triệu đồng) của người nộp thuế và người phụ thuộc, áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công. Phạm vi chi bao gồm chi cho khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước và chi cho giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước, bao gồm học phí giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và các kỹ năng chuyên môn khác. Chính sách cũng đặt ra các điều kiện kiểm soát tương đối chặt chẽ: Phải có hóa đơn, chứng từ hợp pháp; khoản chi y tế phải có thêm bảng kê chi phí khám, chữa bệnh; hóa đơn phải thể hiện thông tin của người nộp thuế hoặc người phụ thuộc; đồng thời khoản chi này không được chi trả từ các nguồn khác như ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm sức khỏe hoặc tài trợ, hỗ trợ, trả thay từ tổ chức, cá nhân khác. Cách thiết kế này cho thấy mục tiêu không phải mở ra một cơ chế giảm trừ tràn lan, mà là thừa nhận có kiểm soát các khoản chi thực sự làm giảm khả năng nộp thuế của cá nhân.

Việc bổ sung giảm trừ đối với chi phí y tế, giáo dục cũng phù hợp với kinh nghiệm quốc tế. Nhiều quốc gia áp dụng cơ chế khấu trừ chi phí khỏi thu nhập chịu thuế, thường gắn với ngưỡng sàn và điều kiện chặt chẽ nhằm đảm bảo mục tiêu điều tiết và tránh lạm dụng. Tại Hoa Kỳ, chi phí y tế chỉ được khấu trừ nếu vượt quá 7,5% thu nhập chịu thuế và chỉ có hiệu lực khi người nộp thuế lựa chọn khấu trừ chi tiết thay vì mức giảm trừ tiêu chuẩn. Tương tự, tại Đức, chi phí y tế chỉ được khấu trừ khi vượt mức “đóng góp hợp lý” (từ 1 - 7% thu nhập), phản ánh nguyên tắc người dân phải tự chịu một phần chi phí trước khi Nhà nước hỗ trợ thông qua thuế. Malaysia quy định chi tiết từng loại chi phí y tế (điều trị bệnh nặng, chăm sóc cha mẹ, thiết bị cho người khuyết tật...) với mức khấu trừ tối đa cho từng nhóm và tổng trần toàn bộ. Trung Quốc áp dụng cơ chế “khấu trừ bổ sung đặc biệt” với cả ngưỡng sàn và trần đối với chi phí y tế (15.000 - 80.000 CNY/năm), đồng thời áp dụng mức khấu trừ cố định cho giáo dục của con (2.000 CNY/tháng). Cách tiếp cận này giúp cân bằng giữa hỗ trợ người dân và kiểm soát thất thu ngân sách.

Đối với giáo dục, kinh nghiệm các nước cũng cho thấy phạm vi hỗ trợ khá rộng, từ học phí đại học, đào tạo nghề, học tập nâng cao cho bản thân đến các khoản chi cho con đang đi học. Điều này cho thấy xu hướng chung là cơ sở tính thuế không còn

được xác định hoàn toàn tách rời khỏi các khoản chi tiêu thiết yếu, nhất là các khoản chi gắn với vốn con người.

Mở rộng phạm vi miễn, giảm thuế theo hướng hỗ trợ phát triển

Một trong những điểm mới nổi bật là việc mở rộng vai trò của thuế TNCN như một công cụ điều tiết xã hội, hỗ trợ người dân và thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế. Điều này thể hiện rõ qua những nội dung sau:

Mở rộng phạm vi miễn, giảm thuế, tăng số lượng khoản thu nhập được miễn thuế (21 khoản, tăng thêm so với trước đây), trong đó tập trung vào các lĩnh vực chiến lược như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, giáo dục và y tế. Đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chính sách thuế TNCN bổ sung một số nội dung miễn thuế quan trọng, như miễn thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập quyền tác giả từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thuế đối với thu nhập của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia làm việc cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm, nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao...

Thiết kế ưu đãi có mục tiêu, như miễn thuế 5 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của nhân lực công nghệ cao, nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao... sẽ góp phần thu hút, giữ nhân lực và thúc đẩy đổi mới sáng tạo và các lĩnh vực chiến lược của Việt Nam. Một số ưu đãi thuế được gắn với mục tiêu phát triển thị trường và ngành ưu tiên, thay vì ưu đãi rộng như ưu đãi thuế đối với quỹ đầu tư, thị trường chứng khoán (giảm 50% thuế, miễn thuế chuyển nhượng dài hạn); ưu đãi đối với trái phiếu xanh, tín chỉ các-bon; khuyến khích nhà đầu tư dài hạn và nhà đầu tư tổ chức. Điều này cho thấy thuế TNCN không chỉ điều tiết TNCN, mà còn được sử dụng như công cụ phát triển thị trường tài chính và phân bổ vốn dài hạn. Xu hướng này tương đồng với nhiều nước như Hoa Kỳ, Singapore và Hàn Quốc...

Điều chỉnh cấu trúc thuế theo hướng giảm nghĩa vụ

Dự thảo Nghị định tiếp tục củng cố nguyên tắc công bằng thông qua tăng mạnh mức giảm trừ gia cảnh (tăng hơn 40% so với trước đây), giảm số bậc thuế từ 7 xuống 5 bậc, đồng thời giãn khoảng cách giữa các bậc thuế. Cách điều chỉnh này không chỉ đơn thuần giảm nghĩa vụ thuế, mà còn tăng thu nhập khả dụng, kích thích tiêu dùng, góp phần ổn định an sinh xã hội.

Việc nâng mức giảm trừ gia cảnh có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định lại ngưỡng thu nhập bắt đầu điều tiết. Khi chi phí sinh hoạt, chi phí nuôi con, học tập

và chăm sóc sức khỏe đều tăng, nếu mức giảm trừ không được điều chỉnh tương ứng thì phạm vi điều tiết của thuế TNCN sẽ mở rộng xuống cả những nhóm thu nhập chưa nên chịu thuế hoặc chỉ nên chịu mức điều tiết thấp. Do đó, tăng mức giảm trừ gia cảnh là điều chỉnh cần thiết nhằm bảo đảm phần thu nhập tối thiểu của người nộp thuế và người phụ thuộc trước khi thực hiện nghĩa vụ thuế. Đồng thời, việc điều chỉnh này cũng góp phần phản ánh sát hơn mức sống và điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.

Việc đơn giản hóa biểu thuế theo hướng giảm số bậc, nới khoảng cách giữa các bậc và điều chỉnh lại mức điều tiết sẽ giúp giảm số thuế phải nộp đối với nhiều nhóm thu nhập, nhất là nhóm thu nhập trung bình và trung bình khá. Một biểu thuế đơn giản hơn cũng giúp người nộp thuế dễ hiểu, dễ xác định nghĩa vụ của mình, đồng thời tạo thuận lợi hơn cho tổ chức chi trả thu nhập và cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện. Theo đó, điều chỉnh cấu trúc thuế lần này không chỉ hướng tới mục tiêu giảm nghĩa vụ thuế, mà còn góp phần giảm chi phí tuân thủ, nâng cao tính minh bạch và cải thiện mức độ thuận lợi trong thực hiện chính sách.

Tiệm cận xu hướng quốc tế trong cải cách thuế

Những điều chỉnh trong chính sách thuế TNCN cho thấy Việt Nam đang từng bước tiệm cận xu hướng cải cách chung của nhiều quốc gia. Xu hướng này không làm giảm vai trò điều tiết của thuế trực thu, mà tập trung vào việc nâng cao chất lượng điều tiết thông qua ba hướng lớn: Giảm áp lực thuế trực tiếp đối với nhóm thu nhập thấp và trung bình; tăng vai trò của các khoản khấu trừ hoặc hỗ trợ thuế gắn với chi phí thực tế, nhất là chi cho y tế, giáo dục. Dự thảo cũng thể hiện rõ xu hướng đơn giản hóa thủ tục kê khai, quyết toán, mở rộng các cơ chế khấu trừ, khai thay, nộp thay và quy định rõ điều kiện chứng từ để đảm bảo minh bạch nhưng vẫn tạo thuận lợi cho người nộp thuế, giảm chi phí tuân thủ. Đồng thời, chính sách được thiết kế theo hướng đồng bộ với các luật liên quan (Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán...), phù hợp với xu hướng chuyển đổi số trong quản lý thuế.

3. Tác động chính sách và một số khuyến nghị

Tác động ngắn hạn

Trong ngắn hạn, việc điều chỉnh chính sách thuế TNCN theo hướng tăng giảm trừ, mở rộng diện miễn, giảm thuế và bổ sung một số khoản chi được khấu trừ sẽ làm giảm số thu ngân sách nhà nước từ sắc thuế này. Đây là tác động có thể dự báo trước. Khi phạm vi điều tiết thu hẹp lại hoặc mức điều tiết giảm xuống, số thu từ thuế TNCN tất yếu sẽ giảm trong giai đoạn đầu thực hiện. Đặc biệt, việc nâng mức giảm trừ gia

cảnh và đơn giản hóa biểu thuế sẽ tác động trực tiếp đến nhóm có thu nhập từ tiền lương, tiền công là nhóm đang thực hiện nghĩa vụ thuế tương đối ổn định trong hệ thống hiện nay.

Khi số thuế phải nộp giảm, người nộp thuế có thêm phần thu nhập để chi tiêu, tiết kiệm hoặc đầu tư cho các nhu cầu thiết yếu. Tác động này có ý nghĩa rõ hơn đối với nhóm thu nhập trung bình, là nhóm vừa chịu áp lực lớn từ chi phí sinh hoạt, vừa có xu hướng sử dụng ngay phần thu nhập tăng thêm cho tiêu dùng và các khoản chi của hộ gia đình. Xét trên phương diện phân phối, đây là sự điều chỉnh theo hướng để lại nhiều hơn nguồn lực tài chính cho khu vực dân cư trong ngắn hạn.

Một tác động ngắn hạn khác là chính sách mới có thể cải thiện mức độ chấp nhận thuế. Khi cơ sở tính thuế hợp lý hơn, mức giảm trừ phản ánh sát hơn điều kiện sống, biểu thuế đơn giản hơn và một số khoản chi thiết yếu được xem xét, người nộp thuế có xu hướng cảm nhận rõ hơn tính công bằng của chính sách.

Tác động trung và dài hạn

Trong trung và dài hạn, tác động của chính sách không dừng ở phần giảm thu ngân sách trước mắt, mà lan tỏa tới tiêu dùng, đầu tư của hộ gia đình, chất lượng nguồn nhân lực và cấu trúc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế.

Thứ nhất, thu nhập khả dụng tăng lên có thể góp phần thúc đẩy tiêu dùng trong nước. Đối với nhóm có thu nhập thấp và trung bình, phần thu nhập tăng thêm sau thuế thường được sử dụng cho các nhu cầu chi tiêu thực tế hơn là tích lũy dài hạn. Điều đó có thể hỗ trợ tổng cầu, nhất là đối với các dịch vụ giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe và tiêu dùng hộ gia đình nói chung. Trong bối cảnh nhu cầu trong nước vẫn là một động lực quan trọng của tăng trưởng, tác động này là đáng lưu ý.

Thứ hai, chính sách mới tạo điều kiện để người dân đầu tư nhiều hơn cho giáo dục và y tế. Đây là điểm có ý nghĩa dài hạn. Chi cho học tập và chăm sóc sức khỏe không chỉ là tiêu dùng, mà còn là đầu tư cho vốn con người. Khi chính sách thuế TNCN chia sẻ một phần gánh nặng tài chính đối với các khoản chi này, hộ gia đình có thể mạnh dạn hơn trong việc chi cho học tập, nâng cao kỹ năng, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh. Về dài hạn, điều này góp phần nâng cao chất lượng lao động, cải thiện năng suất và tăng khả năng thích ứng của lực lượng lao động trước thay đổi về công nghệ và cơ cấu việc làm. Các nghiên cứu, tổng hợp kinh nghiệm quốc tế cũng cho thấy nhiều nước đã sử dụng thuế TNCN để hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp cho các khoản chi y tế, giáo dục, qua đó gắn chính sách thuế với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực.

Thứ ba, chính sách thuế TNCN theo hướng mở rộng miễn, giảm thuế cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực công nghệ cao và một số hoạt động tài chính có thể hỗ trợ hình thành các động lực tăng trưởng mới. Khi lợi ích sau thuế được cải thiện trong các lĩnh vực ưu tiên, nguồn lực xã hội có xu hướng dịch chuyển vào những khu vực có giá trị gia tăng cao hơn. Đối với nhân lực chất lượng cao, thu nhập sau thuế là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định làm việc, gắn bó và đầu tư tại một quốc gia. Đối với thị trường vốn, chính sách thuế hợp lý và có chọn lọc sẽ góp phần hỗ trợ phân bổ vốn hiệu quả hơn, nhất là với các công cụ và lĩnh vực cần khuyến khích. Theo nghĩa đó, tác động dài hạn của chính sách không chỉ là hỗ trợ một nhóm thu nhập cụ thể, mà còn là hỗ trợ tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng dựa nhiều hơn vào công nghệ, tri thức và chất lượng nguồn nhân lực.

Vì vậy, phần giảm thu ngân sách từ chính sách thuế TNCN cần được nhìn nhận theo nghĩa rộng hơn. Đây không chỉ là khoản hụt thu đơn thuần, mà có thể xem là một hình thức tái phân bổ nguồn lực thông qua chính sách thuế. Nhà nước chấp nhận để lại một phần nguồn lực cho người dân và nhà đầu tư để khuyến khích chi tiêu, đầu tư cho vốn con người, đổi mới sáng tạo và các lĩnh vực ưu tiên. Theo cách tiếp cận này, giảm thu ngân sách có thể được hiểu là một hình thức tái đầu tư gián tiếp vào nền kinh tế. Nếu chính sách được thiết kế hợp lý và thực hiện hiệu quả, phần lợi ích kinh tế - xã hội thu được trong trung và dài hạn có thể lớn hơn khoản giảm thu trước mắt.

Một số khuyến nghị đối với quá trình triển khai

Một là, cần có giải pháp cân đối thu ngân sách nhà nước phù hợp trong giai đoạn đầu thực hiện. Việc giảm nghĩa vụ thuế cho người dân là cần thiết, nhưng phải được đặt trong tổng thể cơ cấu thu và kỷ luật tài khóa. Điều này đòi hỏi phải tăng cường quản lý thu đối với các khu vực còn dư địa lớn, nhất là kinh tế số, thương mại điện tử, thu nhập qua nền tảng số và các nguồn thu nhập mới.

Hai là, cần làm rõ nội hàm, phạm vi chi phí y tế, giáo dục được giảm trừ gắn với kiểm soát chặt rủi ro gian lận khi áp dụng cơ chế khấu trừ chi phí y tế, giáo dục. Đây là điểm nhạy cảm nhất của cách tiếp cận mới. Nếu thiếu tiêu chí rõ ràng về khoản chi được trừ, chứng từ hợp lệ và cách thức đối chiếu dữ liệu, chính sách có thể bị lợi dụng thông qua kê khai không đúng, kê khai trùng hoặc sử dụng chứng từ không hợp pháp. Vì vậy, cần xác định rõ phạm vi chi phí được trừ, điều kiện để được trừ, trách nhiệm của cơ sở y tế, giáo dục trong cung cấp thông tin và trách nhiệm của người nộp thuế trong kê khai. Chỉ khi cơ chế này đủ rõ và đủ chặt, chính sách mới vừa hỗ trợ đúng đối tượng vừa hạn chế được thất thu và gian lận.

Ba là, đẩy mạnh số hóa dữ liệu và kết nối liên thông giữa cơ quan thuế với các cơ sở dữ liệu liên quan. Đây là điều kiện then chốt để thực hiện hiệu quả chính sách thuế TNCN trong giai đoạn mới. Đối với chi phí y tế, cần kết nối với hóa đơn điện tử, dữ liệu cơ sở khám chữa bệnh và bảo hiểm. Đối với chi phí giáo dục, cần có khả năng xác thực dữ liệu từ cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo và hệ thống thanh toán. Đối với các ưu đãi liên quan đến công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và thị trường tài chính, cũng cần cơ chế đối chiếu với dữ liệu của cơ quan quản lý chuyên ngành. Khi dữ liệu được liên thông, người nộp thuế sẽ giảm được thủ tục, trong khi cơ quan quản lý vẫn bảo đảm được khả năng kiểm soát rủi ro.

Bốn là, hiệu quả của chính sách phụ thuộc rất lớn vào năng lực quản trị và hạ tầng dữ liệu. Một chính sách tốt về mặt nội dung chưa bảo đảm sẽ vận hành hiệu quả trong thực tế nếu quy trình không rõ, cách hiểu không thống nhất và hệ thống công nghệ không đáp ứng. Vì vậy, cùng với sửa đổi chính sách, cần chuẩn hóa quy trình thực hiện, nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, tăng cường hướng dẫn cho người nộp thuế và tiếp tục hiện đại hóa hạ tầng quản lý thuế. Đây là điều kiện để chính sách thuế TNCN vừa đúng về định hướng, vừa có thể phát huy hiệu quả thực chất trong thực tiễn.

4. Kết luận

Dự thảo Nghị định thuế TNCN lần này không chỉ là một điều chỉnh kỹ thuật chính sách mà còn là bước chuyển quan trọng trong tư duy điều hành tài khóa. Việc chuyển từ cách tiếp cận “thu đúng, thu đủ” sang “thu hợp lý để thúc đẩy phát triển” phản ánh sự thay đổi căn bản trong vai trò của thuế trong nền kinh tế. Trong bối cảnh không gian chính sách ngày càng thu hẹp, việc sử dụng công cụ thuế một cách linh hoạt, có mục tiêu và hướng tới dài hạn sẽ là yếu tố then chốt để vừa bảo đảm ổn định tài khóa, vừa tạo động lực cho tăng trưởng bền vững.

ThS. Lê Thị Quế, ThS. Phạm Hoàng Hà
Viện Chiến lược và Chính sách kinh tế - tài chính, Bộ Tài chính

Nguồn: Trung tâm Thông tin kinh tế, tài chính và thống kê